

Số: 37/QĐ-VKS

Bạc Liêu, ngày 01 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai dự toán ngân sách năm 2019
của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC, ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-UBND, ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu, về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai dự toán ngân sách năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu (theo biểu đính kèm)

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Chánh văn phòng, Bộ phận tài vụ trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu VT, KT.



Chiêu Dân Trí

Biểu số 7 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu

Chương: 560



DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HỖ TRỢ

(Kèm theo Quyết định số 37/QĐ-VKS ngày 01/4/2019 của Viện KSND tỉnh Bạc Liêu)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Dự toán thu nguồn khác (nếu có)	
1	Thu hội phí	
2	Thu từ đóng góp của tổ chức, cá nhân	
3	Thu khác	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	250
I	Chi thường xuyên	
1	Chi quản lý hành chính	
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	250
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi sự nghiệp kinh tế	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Chi Chương trình mục tiêu	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)</i>	
2	Chi Chương trình mục tiêu	
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)</i>	
III	Chi từ nguồn đóng góp của tổ chức, cá nhân	
	Nhiệm vụ A	
	Nhiệm vụ B	
	